

Bản án số: 280/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2020.
“V/v tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

2. Ông Nguyễn Văn Chào

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1983, nơi cư trú: số 739, tổ 4, ấp BT, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang. SĐT: 0367.663.688. có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chiêu K, sinh năm 1980, nơi cư trú: tổ 4, ấp BH2, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang. SĐT: 0974.556.529. có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

Bà và ông K do tự quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông K ham mê cờ bạc, rượu chè, không chăm lo cuộc sống gia đình và thường xuyên có hành vi bạo lực đối với bà. Từ đó ông bà thường xuyên cự cãi, nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng

không được, bà bỏ về nhà mẹ ruột sống từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn.

Ông bà có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 20/9/2013. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ái V, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Chiêu K đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

Tại phiên tòa:

Bà B vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông K, đồng ý giao cháu Ái V cho ông K được tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ông K trình bày: thừa nhận giữa vợ chồng có cự cãi và ông cũng có đánh bà B nhưng theo ông vợ chồng nào cũng có mâu thuẫn, khi bà B bỏ về nhà mẹ ruột sống thì ông có kêu quay về nhưng bà B không chịu, nay bà B yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý do con còn nhỏ. Nếu ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ái V, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án đến tham gia phiên tòa nhưng tự ý bỏ về khi phiên tòa đang xét xử là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, cho bà B được ly hôn với ông K. Giao con chung cho ông K nuôi dưỡng, bà B không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K, địa chỉ cư trú của ông K là tại xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Chiêu K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tham gia phiên tòa nhưng ông tự ý bỏ về khi phiên tòa đang được xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử và tuyên án vắng mặt ông K theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông K và bà B tự nguyện kết hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên ông K vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, và tự ý bỏ về khi phiên tòa đang xét xử xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương xác định ông K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, hiện ông K vẫn đang còn sinh sống tại địa phương. Về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng ông bà như thế nào thì địa phương không rõ.

[2.4] Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014, là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, ông K và bà B đều thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn và có sự việc ông K đánh bà B và ông bà đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm. Nay bà B kiên quyết ly hôn, ông K không đồng ý nhưng ông không nêu ra được biện pháp giải quyết mâu thuẫn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, dù ông K vẫn đang sinh sống tại địa phương nhưng lại từ chối nhận văn bản tố tụng và không tham gia phiên họp, phiên hoà giải, tại phiên tòa hôm nay thì ông tự ý bỏ về khi phiên tòa đang xét xử, cho thấy ông K không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như thật sự quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà B. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của bà B với ông K là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về con chung: Ông bà có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 20/9/2013. Hiện con chung đang do ông K nuôi dưỡng, tại phiên tòa hôm nay ông bà thoả thuận giao cháu Ái V cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng. Thiết nghĩ để ổn định tâm lý cũng như cuộc sống sinh hoạt, học tập của cháu Vy do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận, giao cháu Ái V cho ông K được tiếp tục nuôi dưỡng. Do ông K không có yêu cầu nên bà B không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông K và gia đình không được cản trở bà B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi

người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: ông K và bà B xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.7] Về án phí: bà B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B.

- Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Chiêu K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2013, quyển số 01/2013 ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Chiêu K và bà Lê Thị B không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông bà có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 20/9/2013, công nhận sự thỏa thuận giao con chung cho ông K được tiếp tục nuôi dưỡng, bà B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông K và gia đình không được cản trở bà B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà B đã nộp theo biên lai thu số 0006261 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: bà Lê Thị B và ông Nguyễn Chiêu K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương